

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUẬN HẢI CHÂU

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

TP. ĐÀ NẴNG

Hải Châu, ngày 14 tháng 11 năm 2018

Số: 356/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 và 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 335/2018/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Nguyễn Nam Tr** - Sinh năm 1973.

Trú tại: 518/16 Tôn Đức, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Chị **Nguyễn Thị Th** - Sinh năm 1978.

Trú tại: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Nam Tr và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, hôn nhân của anh Tr và chị Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Tr và chị Th chung sống tại địa chỉ đường M, quận P, thành phố Đà Nẵng là nhà của cha mẹ anh Tr.. Trong quá trình chung sống, anh Tr và chị Th bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vào năm 2015 và trầm trọng vào tháng 05 năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn giữa anh Tr và chị Th đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh Tr và chị Th đã không sống chung với nhau từ ngày 05/2018 cho đến nay, anh Tr ra ngoài thuê nhà sống tại địa chỉ đường M, quận P, thành phố Đà Nẵng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Tr và chị Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Tr và chị Th.

[2] *Về con chung*: Anh Nguyễn Nam Tr và chị Nguyễn Thị Th xác định có 02 con chung là Nguyễn Quốc Th – Sinh ngày 22/12/1997 và Nguyễn Thị Hồng Ng – Sinh ngày 04/09/2003.

Ly hôn, anh Tr và chị Th thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thị Hồng Ng cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Quốc Th đã trên 18 tuổi nên không đề cập Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Nam Tr và chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận anh Nguyễn Nam Tr và chị Nguyễn Thị Th thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Anh Nguyễn Nam Tr và chị Nguyễn Thị Th thống nhất thỏa thuận như sau: Giao con chung là Nguyễn Thị Hồng Ng – Sinh ngày 04/09/2003 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Quốc Th – Sinh ngày 22/12/1997 đã trên 18 tuổi nên không đề cập Tòa án giải quyết.

Các bên vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Nguyễn Nam Tr và chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Nam Tr và chị Nguyễn Thị Th phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006636 ngày 23.10.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Anh Tr và chị Th đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *UBND phường N,*
- Quận P, tp. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Trương Thanh Phúc

